CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH
Địa chỉ: 346 - 350 Đường Trần Văn Giàu, Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh
Tel.: (+84-28).3754.5525 Fax: (+84-28).3754.0188
Website: https://hbc.com.vn Email: info@hbc.com.vn

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN ĐỌC HIỂU
NGHIỆP VỤ CƠ BẢN CỦA HỆ THỐNG SAP BUSINESS ONE

Mã Nhóm Tài Liệu : Nhóm 1 - Tài Liệu Hướng Dẫn Đọc Hiểu Cơ Bản Nghiệp Vụ SAP B1
Mã Hiệu Tài Liệu : 1010200201
Ngày Lập Tài Liệu : 29.03.2023
Tình Trạng : Còn hiệu lực - Đang áp dụng
Áp Dụng Đối Với : Phần mềm Quản Lý Nguồn Lực Doanh Nghiệp SAP Business One 10.0, PL02
Tên Tài Liệu : Hướng dẫn đọc hiểu cơ bản Nghiệp vụ Ghi Nhận Đơn Hàng Bán [Sales Order]

1. Đường dẫn truy cập`

Nghiệp vụ Ghi Nhận Đơn Hàng Bán được định nghĩa trong môi trường hệ thống SAP Business One (sau đây gọi tắt là "SAP B1") là Nghiệp vụ [Sales Order] thuộc Modules [Sales - A/R] và được truy cập theo đường dẫn, như sau:

- Truy cập thủ công: **Main Menu → Modules [Sales - A/R] → [Sales Order]**
- Tổ hợp phím tắt: **Alt + M → S → select [Sales Order]**

2. Mục đích sử dụng

Nghiệp vụ Ghi Nhận Đơn Hàng Bán [Sales Order] (sau đây gọi tắt là "Nghiệp vụ Đơn hàng bán") được dùng để xác lập, tra cứu và quản trị thông tin giao dịch thực tế đối với các đơn hàng chào bán sản phẩm, dịch vụ của tổ chức/doanh nghiệp đến Khách hàng.

Ứng dụng cơ bản của nghiệp vụ này có thể dùng vào các công việc, như:

- Lập Hợp đồng bán hàng hóa, dịch vụ giữa tổ chức/doanh nghiệp với Khách hàng;
- Lập Đơn hàng bán hàng hóa, dịch vụ giữa tổ chức/doanh nghiệp với Khách hàng;
- Khai thác thông tin dữ liệu của nghiệp vụ cho công tác lập kế hoạch bán hàng hóa, dịch vụ của tổ chức/doanh nghiệp;
- Khai thác thông tin dữ liệu của nghiệp vụ cho công tác hoạch định nguồn cung bằng chức năng hoạch định nguồn cung hàng hóa của hệ thống SAP B1 (còn được gọi là "chức năng [MRP]");

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

3. Giao diện nghiệp vụ

Nghiệp vụ Ghi Nhận Đơn Hàng Bán [Sales Order] được hiển thị như hình bên dưới:

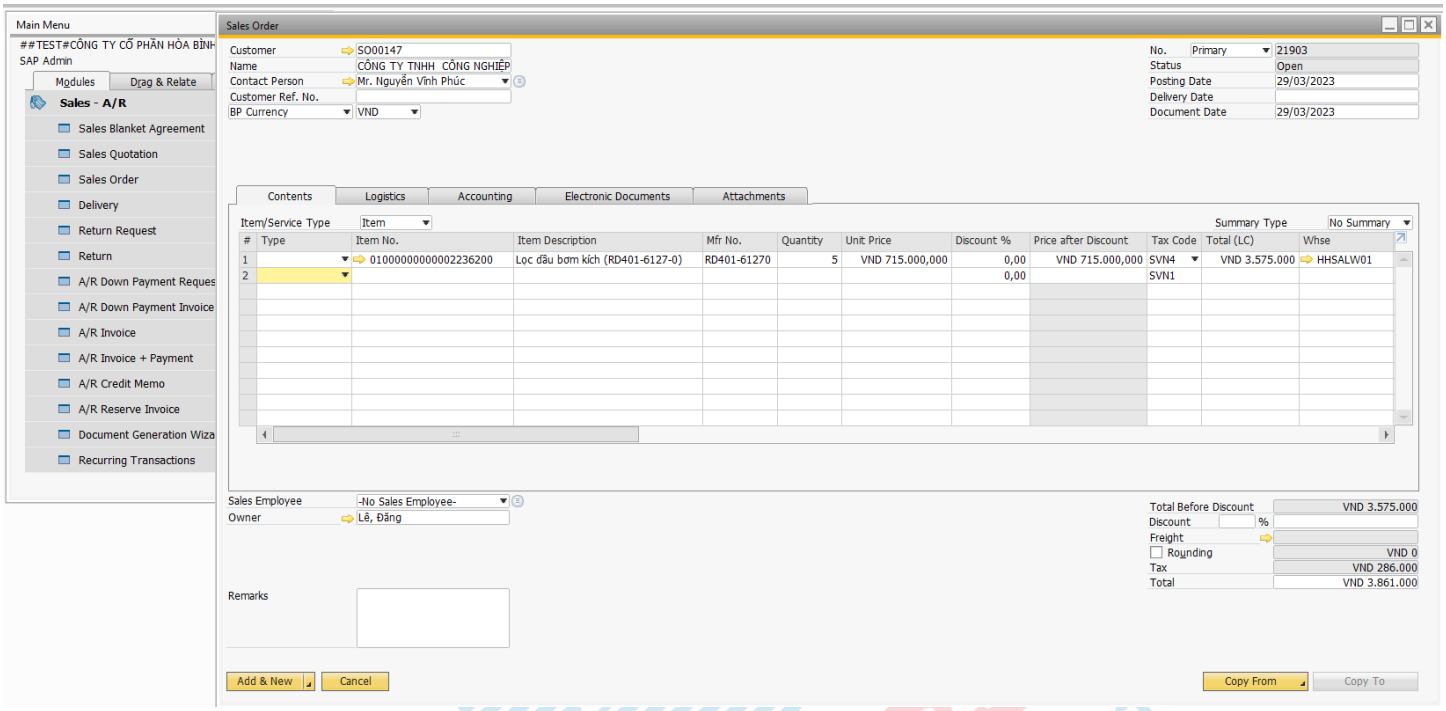

4. Chú thích khai báo trường thông tin cơ bản

- Vùng [General Area] - Customer: Mã Khách hàng

→ Mã Khách hàng là chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, không cho phép sử dụng tiếng Việt, không chấp nhận khoảng trắng và ký tự đặc biệt.

→ Độ dài cho phép là 15 ký tự.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Mã Khách hàng là thông tin được lựa chọn dưới dạng "Cơ Sở Dữ Liệu Chung/Master Data" của tập hợp dữ liệu tại [Business Partner Master Data - Customer]. Vì vậy, thông tin [Business Partner Master Data] của Khách hàng cần giao dịch phải được khai báo trước khi nghiệp vụ tương ứng được khởi tạo..

- Vùng [General Area] - Name: Tên Khách hàng

→ Tên Khách hàng là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, có khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ dài cho phép là 100 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Tên Khách hàng là thông tin được liên kết và phát sinh tự động với thông tin Mã Khách hàng từ tập hợp dữ liệu tại [Business Partner Master Data - Customer]. Vì vậy, khi người dùng xác định được Mã Khách hàng cần giao dịch thì hệ thống SAP B1 sẽ tự nhận diện Tên Khách Hàng tương ứng ngay trên cùng nghiệp vụ được khởi tạo.

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

- Vùng [General Area] - Contact Person: Đại diện liên hệ của Khách hàng

→ Đại diện liên hệ của Khách hàng là một chuỗi ký tự bằng chữ cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ dài cho phép là 50 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Đại diện liên hệ của Khách hàng là thông tin được liên kết và phát sinh tự động với thông tin Mã Khách hàng từ tập hợp dữ liệu tại [Business Partner Master Data - Customer]. Nhờ vào cơ chế quản lý dữ liệu mở rộng của hệ thống SAP B1, khi đã xác định được Mã Khách hàng cần giao dịch thì người dùng có thể chọn (hoặc để trống) một trong nhiều thông tin Đại diện liên hệ của Khách hàng được tự động nhận diện tương ứng từ hệ thống SAP B1 ngay trên cùng nghiệp vụ được khởi tạo.

- Vùng [General Area] - Customer Ref. No.: Số hiệu tra cứu của giao dịch theo yêu cầu Khách hàng

→ Số hiệu tra cứu của giao dịch theo yêu cầu Khách hàng là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ dài cho phép là 10 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Không bắt buộc

- Vùng [General Area] - BP Currency: Tiền tệ giao dịch với Khách hàng

→ Tiền tệ giao dịch với Khách hàng là sự lựa chọn của 1 trong 3 nội dung sau:

Local currency: Giao dịch được lập với Khách hàng mặc nhiên sẽ được xác định loại hình tiền tệ giao dịch theo nội tệ. Nội tệ được quy định tại hệ thống SAP B1 [HBG] luôn là "VND";

System currency: Giao dịch được lập với Khách hàng mặc nhiên sẽ được xác định loại hình tiền tệ giao dịch theo hệ thống gốc. Tiền tệ theo hệ thống gốc được quy định tại hệ thống SAP B1 [HBG] luôn là "VND";

BP Currency: Giao dịch được lập với Khách hàng mặc nhiên sẽ được xác định loại hình tiền tệ giao dịch đã khai báo tương ứng với Mã Khách hàng từ tập hợp dữ liệu tại [Business Partner Master Data - Customer]. Chỉ những Mã Khách hàng nào được khai báo thông tin với trường "Currency" tại [Business Partner Master Data - Customer] là "All Currencies", thì người dùng mới có thể lựa chọn loại tiền tệ giao dịch với Khách hàng tại ô chọn bên cạnh; ngược lại loại tiền tệ giao dịch sẽ mặc nhiên tự phát sinh cố định với Mã Khách hàng tương ứng được khai báo trước đó.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

- Vùng [General Area] - No.: Số hiệu nghiệp vụ

→ Số hiệu nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng số, được hệ thống SAP B1 tự phát sinh theo thứ tự tăng dần trong quá khai khởi tạo nghiệp vụ. Thông tin này có thể được cấu hình để viết liền cùng một vài ký tự bằng chữ khác có liên quan. Tuy nhiên, theo quy định tại hệ thống SAP B1 [HBG], thì hệ số của số hiệu nghiệp vụ chỉ đơn thuần là ký tự số và không viết liền cùng bất kỳ ký tự chữ nào khác.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

- Vùng [General Area] - Status.: Tình trạng của nghiệp vụ

→ Tình trạng nghiệp vụ là một từ (hoặc cụm từ) tự hiển thị bởi sự quản lý thông tin của hệ thống SAP B1 theo quy ước định nghĩa như sau:

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

Open: Nghiệp vụ đang ở trạng thái "Mở". Trạng thái này cho phép người dùng thực hiện thủ tục kế thừa hoặc chuyển tiếp đến các nghiệp vụ khác có liên quan;

Closed: Nghiệp vụ thuộc trạng thái "Đóng". Trạng thái này được hiểu là nghiệp vụ đã được xử lý hoặc đã được kết thúc bởi người dùng, vì vậy các thủ tục kế thừa hoặc chuyển tiếp nghiệp vụ là không còn khả dụng để thực hiện'

Canceled: Nghiệp vụ thuộc trạng thái "Bị Hủy". Trạng thái này được hiểu là người dùng đã thực hiện hủy nghiệp vụ do thao tác thực hiện thao tác sai khi lập nghiệp vụ, vì vậy các thủ tục kế thừa hoặc chuyển tiếp nghiệp vụ là không còn khả dụng để thực hiện.

- Vùng [General Area] - Posting Date.: Ngày lập nghiệp vụ

→ Ngày lập nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng số và định dạng bắt buộc dưới hình thức "2 số ngày/2 số tháng/4 số năm = dd/mm/yyyy". Ngày lập nghiệp vụ là thời điểm mà người dùng xác định việc ghi nhận thông tin của nghiệp vụ vào cơ sở dữ liệu của hệ thống SAP B1. Theo quy định của hệ thống SAP B1 [HBG], ngày lập nghiệp vụ chính là ngày thực tế mà người dùng thực hiện khai báo nghiệp vụ vào hệ thống.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

- Vùng [General Area] - Delivery Date.: Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ

→ Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng số và định dạng bắt buộc dưới hình thức "2 số ngày/2 số tháng/4 số năm = dd/mm/yyyy". Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ được hiểu là ngày hoàn tất việc giao hàng cho toàn bộ đối tượng được lập trong giao dịch của nghiệp vụ.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

- Vùng [General Area] - Document Date.: Ngày thể hiện chứng từ được in ấn từ nghiệp vụ

→ Ngày thể hiện chứng từ được in ấn từ nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng số và định dạng bắt buộc dưới hình thức "2 số ngày/2 số tháng/4 số năm = dd/mm/yyyy".

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

- Vùng [General Area] - Sales Employee: Thông tin về Chuyên viên Kinh doanh phụ trách nghiệp vụ

→ Thông tin về Chuyên viên Kinh doanh phụ trách nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, có khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ đài cho phép là 50 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Thông tin về Chuyên viên Kinh doanh phụ trách nghiệp vụ được lựa chọn dưới dạng "Cơ Sở Dữ Liệu Chung/Master Data" của tập hợp dữ liệu tại [Employee Master Data] và [Sales Employee/Buyer]. Vì vậy, thông tin [Employee Master Data] của Chuyên viên Kinh doanh phải được khai báo trước khi nghiệp vụ tương ứng được khởi tạo.

- Vùng [General Area] - Owner: Thông tin về Người phụ trách nghiệp vụ

→ Thông tin về Người phụ trách nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, có khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ đài cho phép là 50 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Thông tin về Người phụ trách nghiệp vụ được lựa chọn dưới dạng "Cơ Sở Dữ Liệu Chung/Master Data" của tập hợp dữ liệu tại [Employee Master Data]. Vì vậy, thông tin [Employee Master Data] của Người phụ trách phải được khai báo trước khi nghiệp vụ tương ứng được khởi tạo.

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

- Vùng [General Area] - Remarks: Ghi chú thông tin chung về nghiệp vụ

→ Ghi chú thông tin chung về nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, có khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ đài cho phép là 254 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

- Vùng [General Area] - Total Before Discount: Tổng giá trị giao dịch trước chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ.

→ Tổng giá trị giao dịch trước chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng số

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép tính tự động được hệ thống SAP B1 cộng tổng các giá trị được tính tại Đơn giá giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo x Số lượng giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo.

- Vùng [General Area] - Discount: Giá trị chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ.

→ Giá trị chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng số

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Lưu ý: Người dùng có thể khai báo thông tin tại trường này theo một trong hai cách sau:

Khai báo giá trị vào ô trước dấu ("%"): Giá trị ghi nhận tại ô này có ý nghĩa rằng nghiệp vụ được khởi tạo sẽ áp dụng tỷ lệ chiết khấu/giảm giá là ….% trên Tổng giá trị giao dịch trước chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ. Từ đó, giá trị tại ô sau dấu ("%") = Tổng giá trị giao dịch trước chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ x [(100 - Tỷ lệ chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ)/100];

Khai báo giá trị vào ô sau dấu ("%"): Giá trị ghi nhận tại ô này có ý nghĩa rằng nghiệp vụ được khởi tạo sẽ áp dụng số tiền chiết khấu/giảm giá là ……Từ đó, giá trị tại ô trước dấu ("%") sẽ được hệ thống SAP B1 tự tính ngược lại theo công thức sau: Tỷ lệ chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ = [(Tổng giá trị giao dịch trước chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ - Số tiền chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ) / Tổng giá trị giao dịch trước chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ] x 100

- **Vùng [General Area] - Freight:** Tổng chi phí liên quan đến dịch vụ vận chuyển có phát sinh kèm theo nghiệp vụ.

→ Tổng chi phí liên quan đến dịch vụ vận chuyển có phát sinh kèm theo nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Người dùng tiến hành khai báo thông tin tại trường này bằng cách click chọn dấu (" ") để khai báo chi tiết các khoản chi phí có liên quan đến dịch vụ vận chuyển phát sinh ngoài giá trị hàng hóa của nghiệp vụ được khởi tạo.

- Vùng [General Area] - Rounding: Giá trị được làm tròn cho tổng giá trị giao dịch trước thuế G.T.G.T của nghiệp vụ

→ Giá trị được làm tròn cho tổng giá trị giao dịch trước thuế G.T.G.T của nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

→ Người dùng tiến hành khai báo thông tin tại trường này bằng cách click chọn vào ô vuông trắng trước chữ "Rounding", sau đó sẽ điền giá trị vào phần liền kề bên phải khi vùng dữ liệu đã được mở sáng. Lưu ý: việc làm tròn giá trị tài trường thông tin này sẽ làm ảnh hưởng đến việc giá trị của định khoản kế toán, vì vậy, người dùng được khuyến cáo phải tham khảo ý kiến của đồng nghiệp phụ trách hoạt động tài chính - kế toán của tổ chức/doanh nghiệp trước khi thực hiện.

- Vùng [General Area] - Tax: Tổng giá trị thuế G.T.G.T của nghiệp vụ.

→ Tổng giá trị thuế G.T.G.T của nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép tính tự động được hệ thống SAP B1 cộng tổng các giá trị được tính tại Tổng giá trị thuế của Sản phẩm theo dòng khai báo.

- Vùng [General Area] - Total: Tổng giá trị giao dịch sau thuế G.T.G.T. của nghiệp vụ

→ Tổng giá trị giao dịch sau thuế G.T.G.T. của nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép tính tự động được hệ thống SAP B1 cộng tổng các giá trị được tính tại Tổng giá trị giao dịch trước chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ + Giá trị chiết khấu/giảm giá của nghiệp vụ + Tổng chi phí liên quan đến dịch vụ vận chuyển có phát sinh kèm theo nghiệp vụ + Giá trị được làm tròn cho tổng giá trị giao dịch trước thuế G.T.G.T của nghiệp vụ + Tổng giá trị thuế G.T.G.T của nghiệp vụ

- Bảng chi tiết [Contents] - Item/Service Type: Loại hình giao dịch

→ Loại hình giao dịch của nghiệp vụ là sự lựa chọn của 1 trong 2 nội dung sau:

Item**:** Đây là loại hình giao dịch bán hàng hóa và công dịch vụ (dịch vụ liên quan đến hoạt động bán hàng) của tổ chức/doanh nghiệp;

Service: Đây là loại hình giao dịch thu lợi từ các dịch vụ gia tăng bên cạnh hoạt động bán hàng hóa và công dịch vụ của tổ chức/doanh nghiệp.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

- Bảng chi tiết [Contents] - Type: Loại mô tả đối tượng giao dịch

→ Loại mô tả đối tượng giao dịch là sự lựa chọn của 1 trong 3 nội dung sau:

Regular**:** (hay thông tin trống) Đây là loại hình mô tả phổ thông về đối tượng giao dịch là hàng hóa hoặc công dịch vụ;

Text: Đây là loại hình mô tả dùng để thể dòng thông tin ghi chú liền kề (trên/dưới) các đối tượng giao dịch là hàng hóa hoặc công dịch vụ;

SubTotal: Đây là loại hình mô tả dùng để cộng tự động tổng giá trị tại cột thông tin "Total (LC)" của tất cả các đối tượng giao dịch là hàng hóa hoặc công dịch vụ liền kề trên của dòng mô tả.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

- Bảng chi tiết [Contents] - Item No.: Mã Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Mã Sản phẩm theo dòng khai báo là chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, không cho phép sử dụng tiếng Việt, không chấp nhận khoảng trắng và ký tự đặc biệt.

→ Độ dài cho phép là 20 ký tự.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

→ Mã Sản phẩm là thông tin được lựa chọn dưới dạng "Cơ Sở Dữ Liệu Chung/Master Data" của tập hợp dữ liệu tại [Item Master Data]. Vì vậy, thông tin [Item Master Data] của Sản phẩm cần giao dịch phải được khai báo trước khi nghiệp vụ tương ứng được khởi tạo.

→ Trong trường hợp loại hình giao dịch của nghiệp vụ là "Service" thì cột thông tin này là không khả dụng để khai báo tại nghiệp vụ.

- Bảng chi tiết [Contents] - Item Description.: Mô tả Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Mô tả Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, có khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ dài cho phép là 100 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Mô tả Sản phẩm là thông tin được liên kết và phát sinh tự động với thông tin Mã Sản phẩm từ tập hợp dữ liệu tại [Item Master Data]. Vì vậy, khi người dùng xác định được Mã Sản phẩm cần giao dịch thì hệ thống SAP B1 sẽ tự nhận diện Mô tả Sản phẩm tương ứng ngay trên cùng dòng khai báo của cùng nghiệp vụ được khởi tạo.

→ Trong trường hợp loại hình giao dịch của nghiệp vụ là "Service" thì người dùng phải chủ động khai báo thông tin này bằng thao tác gõ thủ công nội dung vào dòng khai báo tương ứng.

- Bảng chi tiết [Contents] - Mfr. No.: Mã đặt hàng/Mã sản xuất của Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Mã đặt hàng/Mã sản xuất của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, không chấp nhận dấu tiếng Việt, khoảng trắng nhưng cho phép chứa một số ký tự đặc biệt hợp lệ.

→ Độ dài cho phép là 50 ký tự (bao gồm cả ký tự đặc biệt nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Mã đặt hàng/Mã sản xuất của Sản phẩm là thông tin được liên kết và phát sinh tự động với thông tin Mã Sản phẩm từ tập hợp dữ liệu tại [Item Master Data]. Vì vậy, khi người dùng xác định được Mã Sản phẩm cần giao dịch thì hệ thống SAP B1 sẽ tự nhận diện Mã đặt hàng/Mã sản xuất của Sản phẩm tương ứng ngay trên cùng dòng khai báo của cùng nghiệp vụ được khởi tạo.

→ Trong trường hợp loại hình giao dịch của nghiệp vụ là "Service" thì cột thông tin này là không khả dụng để khai báo tại nghiệp vụ.

- Bảng chi tiết [Contents] - Quantity: Số lượng giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Số lượng giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Trong trường hợp loại hình giao dịch của nghiệp vụ là "Service" thì cột thông tin này là không khả dụng để khai báo tại nghiệp vụ.

- Bảng chi tiết [Contents] - Unit Price: Đơn giá giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Đơn giá giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Lưu ý: Người dùng được khuyến cáo nên đối chiếu thông tin về Tiền tệ giao dịch với Khách hàng (nêu trên) trước khi xác định Đơn giá giao dịch của Sản phẩm phù hợp khi khởi tạo nghiệp vụ.

- Bảng chi tiết [Contents] - Discount %: Tỷ lệ chiết khấu/giảm giá trên Đơn giá giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

→ Tỷ lệ chiết khấu/giảm giá trên Đơn giá giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Lưu ý: Bản chất giá trị được thể hiện cột thông tin này đã được hiểu là một giá trị phần trăm (%). Do đó, người dùng được yêu cầu không phải điền dấu "%" liền kề với giá trị nhập vào của dữ liệu khi khởi tạo nghiệp vụ.

- Bảng chi tiết [Contents] - Price after Discount: Đơn giá giao dịch của Sản phẩm sau khi áp dụng Tỷ lệ chiết khấu/giảm giá theo dòng khai báo

→ Đơn giá giao dịch của Sản phẩm sau khi áp dụng Tỷ lệ chiết khấu/giảm giá theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép tính tự động theo công thức: Đơn giá giao dịch của Sản phẩm sau khi áp dụng Tỷ lệ chiết khấu/giảm giá = Đơn giá giao dịch của Sản phẩm x [(100 - Tỷ lệ chiết khấu/giảm giá trên Đơn giá giao dịch của Sản phẩm)/100]

- Bảng chi tiết [Contents] - Tax Code: Mã thuế suất bán của Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Mã thuế suất bán của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, không chấp nhận dấu tiếng Việt, khoảng trắng và ký tự đặc biệt.

→ Độ dài cho phép là 8 ký tự.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Trường thông tin này được khai báo thông qua hình thức lựa chọn thông tin gốc đã được định nghĩa sẵn trong hệ thống SAP B1 tại [Tax Groups - Setup]

- Bảng chi tiết [Contents] - Total (LC): Thành tiền giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo.

→ Thành tiền giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép tính tự động theo công thức: Thành tiền giao dịch của Sản phẩm = Đơn giá giao dịch của Sản phẩm sau khi áp dụng Tỷ lệ chiết khấu/giảm giá x Số lượng giao dịch của Sản phẩm

- Bảng chi tiết [Contents] - Whse: Kho xuất hàng của Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Kho xuất hàng của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, không chấp nhận dấu tiếng Việt, khoảng trắng và ký tự đặc biệt

→ Độ đài cho phép là 10 ký tự.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Trường thông tin này được khai báo thông qua hình thức lựa chọn thông tin gốc đã được định nghĩa sẵn trong hệ thống SAP B1 tại [Warehouse - Setup]

- Bảng chi tiết [Contents] - Del. Date: Ngày giao hàng của Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Ngày giao hàng của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số và định dạng bắt buộc dưới hình thức "2 số ngày/2 số tháng/4 số năm = dd/mm/yyyy"

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Lưu ý: Khi người dùng đã xác định Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ tại Vùng [General Area] - Delivery Date, thì hệ thống SAP B1 sẽ tự động điền thông tin này vào cột Ngày giao hàng của Sản

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

phẩm tại tất cả các dòng có thông tin khai báo. Theo đó, người dùng có thể thay đổi thông tin tại cột này bằng thao tác gõ thủ công nội dung vào dòng khai báo tương ứng, nhưng phải đảm bảo rằng không có ô thông tin nào của cột nhận giá trị ngày trễ hơn Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ.

- Bảng chi tiết [Contents] - Open Qty: Số lượng giao dịch ở trạng thái "Mở/Open" của Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Số lượng giao dịch ở trạng thái "Mở" của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép xác định tự động của hệ thống SAP B1 cho số lượng còn lại của Sản phẩm theo từng dòng thông tin khai báo khi chưa được xử lý bằng nghiệp vụ khác hoặc chưa được kết thúc bởi thao tác của người dùng, trong phạm vi của nghiệp vụ được khởi tạo.

- Bảng chi tiết [Contents] - G/L Account: Định khoản kế toán áp dụng cho giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Định khoản kế toán áp dụng cho giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng chữ hoặc/và số không chấp nhận dấu tiếng Việt, khoảng trắng và ký tự đặc biệt

→ Độ đài cho phép là 10 ký tự.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Lưu ý: Trong trường hợp loại hình giao dịch của nghiệp vụ là "Service" thì người dùng phải liên hệ nhân sự chuyên trách về lĩnh vực tài chính - kế toán để xác định đúng Mã Định khoản Kế toán cho cột thông tin này theo từng dòng Sản phẩm. Ngược lại, đối với loại hình giao dịch của nghiệp vụ là "Item", người dùng được khuyến cáo không can thiệp vào cột thông tin này.

- Bảng chi tiết [Contents] - In Stock: Số lượng thực tồn kho của Sản phẩm tại Kho hàng xuất bán theo dòng khai báo.

→ Số lượng thực tồn kho của Sản phẩm tại Kho hàng xuất bán theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép xác định tự động của hệ thống SAP B1 cho số lượng thực tế đang có của Sản phẩm ứng với thông tin tại Kho xuất hàng của Sản phẩm theo từng dòng thông tin khai báo ngay thời điểm của nghiệp vụ được khởi tạo.

- Bảng chi tiết [Contents] - Committed: Số lượng dự kiến sẽ sử dụng của Sản phẩm tại Kho hàng xuất bán theo dòng khai báo.

→ Số lượng dự kiến sẽ sử dụng của Sản phẩm tại Kho hàng xuất bán theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép tính tự động của hệ thống SAP B1 cho tổng số lượng dự kiến sẽ sử dụng của Sản phẩm ứng với thông tin tại Kho xuất hàng của Sản phẩm theo từng dòng thông tin khai báo ngay thời điểm của nghiệp vụ được khởi tạo. Tổng số lượng dự kiến sẽ sử dụng của một sản phẩm = tổng số lượng đang ở trạng thái "Mở/Open" của sản phẩm đó được ghi nhận tại tất cả Nghiệp vụ [Sales Order] + tổng số lượng đang ở trạng thái "Mở/Open" của sản phẩm đó được ghi nhận tại tất cả Nghiệp vụ [Goods Return Request] + tổng số lượng đang ở trạng thái "Chưa hoàn thành/Planned Quantity" của sản phẩm đó được ghi nhận tại tất cả Nghiệp vụ [Production Order] (có liên quan).

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

- Bảng chi tiết [Contents] - Ordered: Số lượng dự kiến sẽ hình thành của Sản phẩm tại Kho hàng xuất bán theo dòng khai báo.

→ Số lượng dự kiến sẽ hình thành của Sản phẩm tại Kho hàng xuất bán theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép tính tự động của hệ thống SAP B1 cho tổng số lượng dự kiến sẽ hình thành của Sản phẩm ứng với thông tin tại Kho xuất hàng của Sản phẩm theo từng dòng thông tin khai báo ngay thời điểm của nghiệp vụ được khởi tạo. Tổng số lượng dự kiến sẽ hình thành của một sản phẩm = tổng số lượng đang ở trạng thái "Mở/Open" của sản phẩm đó được ghi nhận tại tất cả Nghiệp vụ [Purchase Order] + tổng số lượng đang ở trạng thái "Mở/Open" của sản phẩm đó được ghi nhận tại tất cả Nghiệp vụ [Return Request] + tổng số lượng đang ở trạng thái "Dự kiến cấp phát/Planned Qty" của sản phẩm đó được ghi nhận tại tất cả Nghiệp vụ [Production Order] (có liên quan).

- Bảng chi tiết [Contents] - Target Type: Nghiệp vụ nhận chuyển tiếp dữ liệu của Sản phẩm theo dòng khai báo.

→ Nghiệp vụ nhận chuyển tiếp dữ liệu của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng chữ, được mô tả theo định nghĩa dựng sẵn của hệ thống SAP B1. Tại phiên bản SAP B1 hiện hành của tài liệu này, thông tin thể hiện có thể nhận các nội dung, như sau: A/R Invoice, Delivery, A/R Down Payment Invoice.

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép xác định tự động của hệ thống SAP B1 khi người dùng sử dụng chức năng "Chuyển tiếp/Copy To" hoặc chức năng "Kế thừa/Copy From" một (nhiều) dòng thông tin của nghiệp vụ được khai báo đến nghiệp vụ khác có liên kết.

- Bảng chi tiết [Contents] - Target Key: Số hiệu của Nghiệp vụ nhận chuyển tiếp dữ liệu của Sản phẩm theo dòng khai báo.

→ Số hiệu của Nghiệp vụ nhận chuyển tiếp dữ liệu của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép xác định tự động của hệ thống SAP B1 khi người dùng sử dụng chức năng "Chuyển tiếp/Copy To" hoặc chức năng "Kế thừa/Copy From" một (nhiều) dòng thông tin của nghiệp vụ được khai báo đến nghiệp vụ khác có liên kết. Khi và chỉ khi thông tin Nghiệp vụ nhận chuyển tiếp dữ liệu của Sản phẩm theo dòng khai báo được xác thực thì nội dung của cột thông tin này mới khả dụng hiển thị tương ứng cho người dùng.

- Bảng chi tiết [Contents] - Base Type: Nghiệp vụ được kế thừa dữ liệu của Sản phẩm theo dòng khai báo.

→ Nghiệp vụ được kế thừa dữ liệu của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng chữ, được mô tả theo định nghĩa dựng sẵn của hệ thống SAP B1. Tại phiên bản SAP B1 hiện hành của tài liệu này, thông tin thể hiện có thể nhận các nội dung, như sau: Blanket Agreement, Sales Quotation

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép xác định tự động của hệ thống SAP B1 khi người dùng sử dụng chức năng "Chuyển tiếp/Copy To" hoặc chức năng "Kế thừa/Copy From" một (nhiều) dòng thông tin của nghiệp vụ khác đến nghiệp vụ được khởi tạo.

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

- Bảng chi tiết [Contents] - Base Ref.: Số hiệu của Nghiệp vụ được kế thừa dữ liệu của Sản phẩm theo dòng khai báo.

→ Số hiệu của Nghiệp vụ được kế thừa dữ liệu của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép xác định tự động của hệ thống SAP B1 khi người dùng sử dụng chức năng "Chuyển tiếp/Copy To" hoặc chức năng "Kế thừa/Copy From" một (nhiều) dòng thông tin của nghiệp vụ khác đến nghiệp vụ được khởi tạo. Khi và chỉ khi thông tin Nghiệp vụ được kế thừa dữ liệu của Sản phẩm theo dòng khai báo được xác thực thì nội dung của cột thông tin này mới khả dụng hiển thị tương ứng cho người dùng.

- Bảng chi tiết [Contents] - Price Source.: Cơ sở áp dụng giá bán đối với Sản phẩm theo dòng khai báo.

→ Cơ sở áp dụng giá bán đối với Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng chữ được mô tả theo định nghĩa dựng sẵn của hệ thống SAP B1. Tại phiên bản SAP B1 hiện hành của tài liệu này, thông tin thể hiện có thể nhận các nội dung sau:

Manual: Cơ sở áp dụng giá bán đối với Sản phẩm theo dòng khai báo được người dùng tự xác định bằng thao tác gõ thủ công.

Active Price List: Cơ sở áp dụng giá bán đối với Sản phẩm theo dòng khai báo được hệ thống SAP B1 tự xác định theo cấu hình đã thiết kế từ trường "Price List" tại [Business Partner Master Data] ứng với thông tin tại [Price Lists]

Blanket Agreement: Cơ sở áp dụng giá bán đối với Sản phẩm theo dòng khai báo được hệ thống SAP B1 tự xác định từ Đơn giá giao dịch của chính Sản phẩm đó tại Nghiệp vụ [Sales Blanket Agreement] khi nghiệp vụ này chuyển tiếp thông tin đến nghiệp vụ được khởi tạo.

Special Prices for Business Partner: Cơ sở áp dụng giá bán đối với Sản phẩm theo dòng khai báo được hệ thống SAP B1 tự xác định theo cấu hình đã thiết kế tại [Special Prices for Business Partners]

Special Prices for Business Partner: Cơ sở áp dụng giá bán đối với Sản phẩm theo dòng khai báo được hệ thống SAP B1 tự xác định theo cấu hình đã thiết kế tại [Special Prices for Business Partners].

Period and Volume Discounts: Cơ sở áp dụng giá bán đối với Sản phẩm theo dòng khai báo được hệ thống SAP B1 tự xác định theo cấu hình đã thiết kế tại [Period and Volume Discounts].

Period and Volume Discounts, Discount Groups: Cơ sở áp dụng giá bán đối với Sản phẩm theo dòng khai báo được hệ thống SAP B1 tự xác định theo cấu hình đã thiết kế tại [Discount Groups] ứng với thông tin tại [Period and Volume Discounts].

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép xác định tự động của hệ thống SAP B1 nhằm hỗ trợ người dùng biết được Đơn giá giao dịch của Sản phẩm theo từng dòng thông tin được hình thành từ nguồn cơ sở nào khi khởi tạo nghiệp vụ.

- Bảng chi tiết [Contents] - Tax Amount (LC): Tổng giá trị thuế của Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Tổng giá trị thuế của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

→ Giá trị tại cột thông tin này là một phép tính tự động theo công thức: Tổng giá trị thuế của Sản phẩm = Tỷ lệ thuế suất (tương ứng với Mã thuế suất bán của Sản phẩm) x Đơn giá giao dịch của Sản phẩm sau khi áp dụng Tỷ lệ chiết khấu/giảm giá x Số lượng giao dịch của Sản phẩm.

- Bảng chi tiết [Contents] - UoM Code: Mã nhóm Đơn vị tính của Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Mã nhóm Đơn vị tính của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số không chấp nhận dấu tiếng Việt, khoảng trắng và ký tự đặc biệt.

→ Độ đài cho phép là 8 ký tự.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Lưu ý: Chỉ những tổ chức/doanh nghiệp có áp dụng cơ chế quản lý đa chiều thông tin về Đơn vị tính của Sản phẩm tại [Unit of Measure Groups - Setup], thì việc lựa chọn giá trị tại cột thông tin này mới khả dụng với người dùng khi lập nghiệp vụ. Ngược lại, trường thông tin này được mặc định là “Manual”, tức cho phép người dùng tự xác định nội dung bằng thao tác gõ thủ công giá trị.

- Bảng chi tiết [Contents] - UoM Name: Mô tả Đơn vị tính của Sản phẩm theo dòng khai báo

→ Mô tả Đơn vị tính của Sản phẩm theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số không chấp nhận dấu tiếng Việt, khoảng trắng và ký tự đặc biệt.

→ Độ đài cho phép là 20 ký tự.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Lưu ý: Đối với những tổ chức/doanh nghiệp có áp dụng cơ chế quản lý đa chiều thông tin về Đơn vị tính của Sản phẩm tại [Unit of Measure Groups - Setup], thì trường thông tin này sẽ được hệ thống SAP B1 tự xác định dựa trên thông tin mà người dùng lựa chọn tại Mã nhóm Đơn vị tính của Sản phẩm theo dòng khai báo. Nguyên lý tự nhận diện thông tin này được cấu hình tại [Group Definition - Setup]. Ngược lại, nếu Mã nhóm Đơn vị tính của Sản phẩm theo dòng khai báo nhận giá trị là “Manual” thì người dùng phải tự xác định nội dung bằng thao tác gõ thủ công giá trị nếu trường “Sales UoM Name” tại [Item Master Data] của Sản phẩm đã không được khai báo trước đó.

- Bảng chi tiết [Contents] - Qty(Inventory UoM): Số lượng giao dịch của Sản phẩm nếu tính bằng Đơn vị tính tồn kho, theo dòng khai báo

→ Số lượng giao dịch của Sản phẩm nếu tính bằng Đơn vị tính tồn kho, theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng số.

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc

→ Lưu ý: Giá trị tại cột thông tin này là một phép xác định tự động của hệ thống SAP B1 để chuyển đổi Số lượng giao dịch của Sản phẩm tại Mô tả Đơn vị tính của Sản phẩm theo dòng khai báo về Số lượng giao dịch của Sản phẩm theo cơ số đếm của Đơn vị tính tồn kho của tổ chức/doanh nghiệp. Chỉ những tổ chức/doanh nghiệp có áp dụng cơ chế quản lý đa chiều thông tin về Đơn vị tính của Sản phẩm tại [Unit of Measure Groups - Setup], thì cột thông tin này mới có thể nhận giá trị khác với thông tin tại cột Số lượng giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo. Ngược lại, giá trị tại cột thông tin này, hầu hết, cũng chính là giá trị tại cột Số lượng giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo.

- Bảng chi tiết [Contents] - Free Text: Ghi chú thêm thông tin theo dòng khai báo

→ Ghi chú thêm thông tin theo dòng khai báo là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, có khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ đài cho phép là 100 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

- Bảng chi tiết [Logistics] - Ship To: Địa chỉ/Địa điểm giao dịch hàng hóa của nghiệp vụ

→ Địa chỉ/Địa điểm giao dịch hàng hóa của nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, có khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ đài cho phép là 254 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Thể thức khai báo thông tin tại trường này được thực hiện theo 1 trong 3 cách thức sau:

Lựa chọn từ các dữ liệu đã khai báo sẵn ở trường "Ship To" thuộc Bảng chi tiết [Address] của [Business Partner Master Data - Customer]. Phương thức này được thực hiện bằng việc người dùng lựa chọn một trong các giá trị về địa chỉ tại ô chọn bên dưới chữ "Ship To", sau đó hệ thống SAP B1 sẽ tự nhận diện và điền chi tiết địa chỉ/địa điểm giao dịch hàng hóa của đơn hàng vào vùng ô trắng bên cạnh. Phương thức này được hiểu là cách thực hiện hoàn chỉnh và chuẩn tắc mà người dùng được khuyến khích tuân thủ thực hiện, tuy nhiên để có được dữ liệu lựa chọn phù hợp thì người dùng được yêu cầu phải thường xuyên cập nhật thông tin tại Bảng chi tiết [Address] của [Business Partner Master Data - Customer].

Khai báo thủ công có xác định và phân loại thông tin. Phương thức này được thực hiện bằng việc người dùng click chọn vào biểu tượng (" ") của trường "Ship To". Tại hộp thoại "Address Component", người dùng sẽ lần lượt khai báo các thông tin theo định nghĩa cấu trúc sau:

<Street/PO Box> sẽ chứa giá trị liên quan đến Số Nhà, Tên Đường/Khu vực/Địa điểm hành chính khác thấp hơn đơn vị hành chính cấp xã (phân cấp xã/phường/thị trấn);

<Block> sẽ chứa giá trị liên quan đến Địa danh hành chính cấp xã (phân cấp xã/phường/thị trấn). Lưu ý: trong ngôn ngữ Việt Nam, thông tin được mô tả tại ô này bắt buộc phải đi kèm với danh từ địa danh hành chính. Ví dụ: Phường Tân Tạo, Xã Tam Hiệp, Thị trấn Tri Tôn,.....;

<County> sẽ chứa giá trị liên quan đến Địa danh hành chính cấp huyện (phân cấp quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh/thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương). Lưu ý: trong ngôn ngữ Việt Nam, thông tin được mô tả tại ô này bắt buộc phải đi kèm với danh từ địa danh hành chính. Ví dụ: Quận Bình Tân, Quận Hoàng Mai, Thị xã Kiến Tường….;

<City> sẽ chứa giá trị liên quan đến Địa danh hành chính cấp tỉnh (phân cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương). Lưu ý: trong ngôn ngữ Việt Nam, thông tin được mô tả tại ô này bắt buộc phải đi kèm với danh từ địa danh hành chính. Ví dụ: Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hà Nội, Tỉnh Đồng Nai….;

<Country> sẽ chứa giá trị liên quan đến Quốc gia. Phần thông tin này được người dùng khai báo qua hình thức lựa chọn các giá trị đã có sẵn tại hệ thống SAP B1.

Sau khi đã khai báo các thông tin phù hợp, hệ thống SAP B1 sẽ mô tả lại các thông tin này vào vùng ô trắng bên cạnh. Phương thức này được dùng trong trường hợp địa chỉ/địa điểm giao dịch hàng hóa của đơn hàng bị thay đổi đột ngột so với thỏa thuận ban đầu giữa các Bên; hoặc áp dụng chủ yếu trong các trường hợp bán lẻ có hỗ trợ giao hàng tận nơi.

Khai báo thủ công không xác định và phân loại thông tin. Phương thức này được thực hiện bằng việc người dùng gõ thủ công thông tin trực tiếp vào vùng ô trắng bên cạnh chữ "Ship To". Phương thức này chỉ được áp dụng tạm thời/cá biệt cho một vài trường hợp phát sinh lỗi in ấn nghiệp vụ/lỗi chuyển tiếp nghiệp vụ sang phần mềm thứ ba (ví dụ: eHoaDon) mà theo đó phần địa chỉ/địa điểm giao dịch hàng hóa của đơn hàng không thể hiện đúng với thông tin đã mô tả. Trong điều kiện làm việc bình thường, người dùng được khuyến

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

cáo tuyệt đối không áp dụng phương thức này để khai báo thông tin về Địa chỉ/Địa điểm giao dịch hàng hóa của nghiệp vụ.

- Bảng chi tiết [Logistics] - Bill To: Địa chỉ/Địa điểm phát hành hóa đơn giao dịch của nghiệp vụ

→ Địa chỉ/Địa điểm phát hành hóa đơn giao dịch của nghiệp vụ là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, có khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ đài cho phép là 254 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Thể thức khai báo thông tin tại trường này được vận hành tương tự như Địa chỉ/Địa điểm giao dịch hàng hóa của nghiệp vụ.

- Bảng chi tiết [Logistics] - BP Channel Name: Người/Bên giới thiệu/môi giới đơn hàng

→ Người/Bên giới thiệu/môi giới đơn hàng bằng chữ và/hoặc số, không cho phép sử dụng tiếng Việt, không chấp nhận khoảng trắng và ký tự đặc biệt.

→ Độ dài cho phép là 15 ký tự.

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Người/Bên giới thiệu/môi giới đơn hàng bản chất chính là Mã Khách hàng đã được khai báo và lựa chọn dưới dạng "Cơ Sở Dữ Liệu Chung/Master Data" của tập hợp dữ liệu tại [Business Partner Master Data - Customer]. Vì vậy, thông tin [Business Partner Master Data] của Người/Bên giới thiệu/môi giới đơn hàng phải được khai báo trước khi nghiệp vụ tương ứng được khởi tạo.

- Bảng chi tiết [Logistics] - BP Channel Contact: Đại diện liên hệ của Người/Bên giới thiệu/môi giới đơn hàng

→ Đại diện liên hệ của Người/Bên giới thiệu/môi giới đơn hàng là một chuỗi ký tự bằng chữ cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ dài cho phép là 50 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Đại diện liên hệ của Người/Bên giới thiệu/môi giới đơn hàng bản chất là thông tin được liên kết và phát sinh tự động với thông tin Mã Khách hàng từ tập hợp dữ liệu tại [Business Partner Master Data - Customer], khi Khách hàng đó đóng vai trò là bên giới thiệu/môi giới đơn hàng cho tổ chức/doanh nghiệp. Tương tự như Đại diện liên hệ của Khách hàng, người lựa xác định thông tin này bằng thao thao tác lựa chọn các giá trị thông tin đã có sẵn và được khai báo với Mã Khách hàng tương ứng.

- Bảng chi tiết [Logistics] - Procure Non Drop-Ship Items: Thực hiện chuyển tiếp thông tin đến nghiệp vụ mua hàng có liên quan đối với hàng hóa không thuộc diện "Drop-Ship"

→ Thực hiện chuyển tiếp thông tin đến nghiệp vụ mua hàng có liên quan đối với hàng hóa không thuộc diện "Drop-Ship" là một ký tự bằng chữ theo ô lựa chọn bằng dấu ("✔"). Nếu ô lựa chọn được đánh dấu ("✔") thì giá trị nhận về là "Y"; ngược lại là "N";

→ Trường hợp ô chọn của trường thông tin này được đánh dấu (✔) ("Y"), thì sau khi người dùng khởi tạo nghiệp vụ đang khai báo, hệ thống SAP B1 sẽ tự phát lên hộp thoại "Procurement Confirmation Wizard" để người dùng thực hiện chuyển tiếp thông tin của nghiệp vụ Đơn hàng bán đến một trong các nghiệp vụ mua hàng phù hợp theo quy định của Công ty; Trường hợp ô chọn của trường thông tin này không được đánh dấu (✔) ("N"), thì hệ thống SAP B1 sẽ không tự phát hộp thoại "Procurement Confirmation Wizard" sau khi người dùng đã khởi tạo nghiệp vụ.

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

Khái niệm hàng hóa thuộc diện "Drop-Ship" được dùng để mô tả về các đối tượng hàng hóa được tổ chức/doanh nghiệp thực hiện mua bán theo kiểu "liền tay trao vật", trong đó hàng hóa được mua về và bán ra liền kề từ nhà kho của Nhà cung cấp đến nơi nhận hàng của Khách hàng, mà không thực hiện nhập kho thực tế tại chính tổ chức/doanh nghiệp đó.

- Bảng chi tiết [Logistics] - Procure Drop-Ship Items: Thực hiện chuyển tiếp thông tin đến nghiệp vụ mua hàng có liên quan đối với hàng hóa thuộc diện "Drop-Ship"

Các nội dung liên quan đến trường thông tin này là tương tự như nút chọn Thực hiện chuyển tiếp thông tin đến nghiệp vụ mua hàng có liên quan đối với hàng hóa không thuộc diện "Drop-Ship". Tuy nhiên, đối tượng hàng hóa của lựa chọn này chỉ áp dụng đối với các sản phẩm thuộc diện "Drop-Ship".

- Bảng chi tiết [Logistics] - Approved: Phê duyệt ban hành nghiệp vụ

→ Phê duyệt ban hành nghiệp vụ là một ký tự bằng chữ theo ô lựa chọn bằng dấu ("✔"). Nếu ô lựa chọn được đánh dấu ("✔") thì giá trị nhận về là "Y"; ngược lại là "N";

→ Trường hợp ô chọn của trường thông tin này được đánh dấu (✔) ("Y"), thì việc khởi tạo nghiệp vụ của người dùng sẽ ngay lập tức được xác lập và ban hành là một nghiệp vụ chính thức trong hệ thống SAP B1; Trường hợp ô chọn của trường thông tin này không được đánh dấu (✔) ("N"), thì hệ thống SAP B1 sẽ chuyển nghiệp vụ sang chế độ "Nháp/Draft" để chờ cấp có thẩm quyền phù hợp thực hiện quyền phê duyệt trước khi ban hành chính thức.

- Bảng chi tiết [Logistics] - Allow Partial Delivery: Cho phép thực hiện giao hàng từng phần

→ Cho phép thực hiện giao hàng từng phần là một ký tự bằng chữ theo ô lựa chọn bằng dấu ("✔"). Nếu ô lựa chọn được đánh dấu ("✔") thì giá trị nhận về là "Y"; ngược lại là "N";

→ Trường hợp ô chọn của trường thông tin này được đánh dấu (✔) ("Y"), thì nghiệp vụ Đơn hàng bán sau khi được khởi tạo chính thức sẽ cho phép người dùng thực hiện thủ tục kế thừa/chuyển tiếp đến nghiệp vụ Lệnh giao hàng (hay được hiểu là nghiệp vụ [Delivery]) nhiều lần và từng phần nội dung của nghiệp vụ đó; Trường hợp ô chọn của trường thông tin này không được đánh dấu (✔) ("N"), thì người dùng chỉ có thể được thực hiện thủ tục kế thừa/chuyển tiếp đến một nghiệp vụ Lệnh giao hàng duy nhất trên nghiệp vụ Đơn hàng bán vừa khởi tạo.

- Bảng chi tiết [Logistics] - Pick and Pack Remarks: Ghi chú khác cho phần sắp xếp đóng gói hàng hóa

→ Ghi chú khác cho phần sắp xếp đóng gói hàng hóa là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, có khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ đài cho phép là 254 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

- Bảng chi tiết [Accounting] - Journal Remarks: Ghi chú khác liên quan đến bút toán kế toán phát sinh (nếu có)

→ Ghi chú khác liên quan đến bút toán kế toán phát sinh (nếu có) là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, có khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

→ Độ đài cho phép là 254 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

- Bảng chi tiết [Accounting] - Payment Terms: Điều kiện thanh toán của đơn hàng

→ Điều kiện thanh toán của đơn hàng là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, cho phép gõ tiếng Việt, có dấu, có khoảng trắng và chứa ký tự đặc biệt

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

→ Độ đài cho phép là 100 ký tự (bao gồm cả dấu tiếng Việt và khoảng trắng, nếu có).

→ Loại thông tin khai báo: Bắt buộc.

→ Điều kiện thanh toán của đơn hàng là thông tin được lựa chọn dưới dạng dữ liệu "con" của tập hợp dữ liệu tại [Payment Terms - Setup]. Vì vậy, thông tin [Payment Terms - Setup] phải được khai báo trước khi nghiệp vụ tương ứng được khởi tạo. Lưu ý: Điều kiện thanh toán của đơn hàng là một định nghĩa có thể được cấu hình dạng "mặc định" theo từng Mã Khách hàng cụ thể, trong trường hợp này, người dùng cần liên hệ với Quản trị viên hệ thống SAP B1 để biết thêm chi tiết.

- Bảng chi tiết [Accounting] - Payment Method: Phương thức thanh toán của đơn hàng

→ Điều kiện thanh toán của đơn hàng là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, không cho phép gõ tiếng Việt, không nhận khoảng trắng và không chứa ký tự đặc biệt

→ Độ đài cho phép là 15 ký tự

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Phương thức thanh toán của đơn hàng là thông tin được lựa chọn dưới dạng dữ liệu "con" của tập hợp dữ liệu tại [Payment Methods - Setup]. Vì vậy, thông tin [Payment Methods - Setup] phải được khai báo trước khi nghiệp vụ tương ứng được khởi tạo. Lưu ý: việc khai thác thông tin được khai báo tại Phương thức thanh toán của đơn hàng đòi hỏi phải có sự tham vấn và hướng dẫn của người phụ trách hoạt động tài chính - kế toán của tổ chức/doanh nghiệp, bởi lẽ trường thông tin này có ảnh hưởng trực tiếp đến thể thức thu - chi tiền thông qua hoạt động ngân hàng của tổ chức/doanh nghiệp.

- Bảng chi tiết [Accounting] - Manually Recalculate Due Date: Hình thức xác định thủ công Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ.

→ Hình thức xác định thủ công Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ là một sự kết hợp giữa 02 phần thông tin. Trong đó,

Phần thông tin về chữ: Phần này là một sự lựa chọn tại ô bên dưới chữ "Manually Recalculate Due Date". Theo đó, phần này có 04 sự lựa chọn:

i. Month Start: Việc xác định thủ công Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ sẽ bắt đầu vào ngày đầu tháng. Ví dụ: Ngày lập nghiệp vụ Đơn hàng bán #10 là 12/03/2023, thì với lựa chọn này, ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ đó là 01/04/2023;

ii. Month End: Việc xác định thủ công Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ sẽ bắt đầu vào ngày cuối tháng. Ví dụ: Ngày lập nghiệp vụ Đơn hàng bán #09 là 12/03/2023, thì với lựa chọn này, ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ đó là 30/03/2023;

iii. Half Month: Việc xác định thủ công Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ sẽ bắt đầu vào ngày giữa tháng. Ví dụ: Ngày lập nghiệp vụ Đơn hàng bán #08 là 19/03/2023, thì với lựa chọn này, ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ đó là 15/04/2023;

iv. Để trống thông tin: Không áp dụng Hình thức xác định thủ công Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ.

Phần thông tin về số: Phần này nhận thông tin tự khai báo bởi người dùng. Theo đó:

i. Giá trị số được khai báo tại ô thông tin trước chữ "Months": Việc xác định thủ công Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ sẽ được công thêm số tháng là giá trị được khai báo so với ngày lập nghiệp vụ. Ví dụ: Ngày lập nghiệp vụ Đơn hàng bán #19 là 16/03/2023, người dùng khai báo giá trị này là 1, thì ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ đó là 16/04/2023;

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

ii. Giá trị số được khai báo tại ô thông tin trước chữ "Days": Việc xác định thủ công Ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ sẽ được công thêm số ngày là giá trí được khai báo so với ngày lập nghiệp vụ. Ví dụ: Ngày lập nghiệp vụ Đơn hàng bán #29 là 16/03/2023, người dùng khai báo giá trị này là 10, thì ngày thực hiện bước tiếp theo của nghiệp vụ đó là 26/03/2023.

- Bảng chi tiết [Accounting] - Use Shipped Goods Account: Sử dụng định khoản kế toán Hàng đang đi đường cho nghiệp vụ.

→ Sử dụng định khoản kế toán Hàng đang đi đường cho nghiệp vụ là một ký tự bằng chữ theo ô lựa chọn bằng dấu ("✔"). Nếu ô lựa chọn được đánh dấu ("✔") thì giá trị nhận về là "Y"; ngược lại là "N";

→ Trường hợp ô chọn của trường thông tin này được đánh dấu (✔) ("Y"), thì khi người dùng thực hiện thủ tục kế thừa/chuyển tiếp nghiệp vụ Đơn hàng bán đến nghiệp vụ Lệnh giao hàng, sẽ làm phát sinh bút toán hạch toán vào định khoản kế toán "hàng đang đi đường" đối ứng giá trị với định khoản kế toán "giá trị hàng hóa"; Trường hợp ô chọn của trường thông tin này không được đánh dấu (✔) ("N"), thì sự kiện tương tự như trên sẽ làm phát sinh bút toán hạch toán vào định khoản kế toán "giá vốn hàng bán" đối ứng giá trị với định khoản kế toán "giá trị hàng hóa". Lưu ý: Việc sử dụng nút chọn này là bắt buộc đối với kiểu bán hàng đòi hỏi phải tiến hành giao hàng, chờ nghiệm thu và phê duyệt sản phẩm trước khi chính thức phát hành hóa đơn bán hàng, ngoài ra người dùng được khuyến cáo nên tham vấn ý kiến của đồng nghiệp phụ trách hoạt động tài chính - kế toán của tổ chức/doanh nghiệp trước khi thực hiện.

- Bảng chi tiết [Accounting] - Federal Tax ID: Mã số thuế của Khách hàng.

→ Mã số thuế của Khách hàng là Điều kiện thanh toán của đơn hàng là một chuỗi ký tự bằng chữ và/hoặc số, không cho phép gõ tiếng Việt, không nhận khoảng trắng và không chứa ký tự đặc biệt.

→ Độ đài cho phép là 32 ký tự

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

→ Lưu ý: Mã số thuế của Khách hàng sẽ được hệ thống SAP B1 tự nhận diện và điền vào trường thông tin này ngay sau khi người dùng xác định được Mã Khách hàng giao dịch tại nghiệp vụ. Tuy nhiên, cơ chế này chỉ khả dụng nếu thông tin trường "Federal Tax ID" tại [Business Partner Master Data - Customer] của Mã Khách hàng đó được khai báo hoàn chỉnh từ trước, nếu không, người dùng được yêu cầu phải xác định thông tin này bằng thao tác gõ thủ công nội dung vào ô khai báo.

- Bảng chi tiết [Accounting] - Reference Document: Hộp thoại Nghiệp vụ tham khảo

→ Hộp thoại Nghiệp vụ tham khảo là một nút chọn để mới ra hộp thoại làm việc mới, có tên "Reference Information" trên nền của nghiệp vụ hiện hành đang khai báo. Mục đích sử dụng của Hộp thoại Nghiệp vụ tham khảo là nhằm:

Xác định nghiệp vụ nào có liên quan đến nghiệp vụ hiện hành đang khai báo, tại thông tin ở Bảng [Document Referenced To] của hộp thoại [Reference Information]; hoặc

Xác định nghiệp vụ nào mà nghiệp vụ hiện hành đang khai báo bị liên quan đến, tại thông tin ở Bảng [Document Referenced By] của hộp thoại [Reference Information].

→ Loại thông tin khai báo: Tùy chọn

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

- Bảng chi tiết [Attachments]: Phần đính kèm tài liệu khác có liên quan đến nghiệp vụ

→ Phần đính kèm tài liệu khác có liên quan đến nhân viên là nơi cho phép người dùng có thể đính kèm các tài liệu văn bản hoặc/và hình ảnh khác có liên quan đến nghiệp vụ đang thao tác. Ví dụ: Đơn đặt hàng của Khách hàng, Xác nhận đơn hàng của Khách hàng,....

Thông Tin Mở Rộng:

1. Các nội dung mô tả về những trường thông tin (như trên) chỉ là những phần thông tin cơ bản và tối thiểu quan trọng đối với nghiệp vụ Đơn hàng bán. Tùy vào quy định, tập quán khai thác thông tin, thời điểm sử dụng và sự ảnh hưởng của các chính sách điều hành khác có liên quan của tổ chức/doanh nghiệp sẽ dẫn đến tình huống khai thác nhiều hơn các trường thông tin (như trên) đối với nghiệp vụ Đơn hàng bán.

2. Người dùng được khuyến khích tìm hiểu ý nghĩa và cách sử dụng của những trường thông tin khác tại nghiệp vụ Đơn hàng bán thông qua các hình thức: Tham gia đào tạo nội bộ, Gửi ý kiến về Quản trị viên hệ thống SAP B1 và Tra cứu thông tin tại thư viện trực tuyến của SAP theo địa chỉ sau "https://help.sap.com/docs/SAP_BUSINESS_ONE"

5. Lưu ý và chỉ dẫn sử dụng

- Bản chất của nghiệp vụ Đơn hàng bán là Nghiệp Vụ Vận Hành, do đó giá trị dữ liệu và thông tin của nghiệp vụ chỉ có giá trị khi và chỉ khi được người dùng khai báo và sử dụng đúng theo tình huống của thực tế giao dịch phát sinh.

- Dữ liệu tại nghiệp vụ Đơn hàng bán được nhìn nhận là dữ rất quan trọng, đóng vai trò là nghiệp vụ dẫn đầu cho chuỗi nghiệp vụ của hoạt động bán hàng. Theo đó, các nghiệp vụ liền kề sau đó, bao gồm: nghiệp vụ Lệnh giao hàng, nghiệp vụ Phát hành hóa đơn hàng bán, nghiệp vụ Nhận hàng bán bị trả lại khi có công nợ,.... đều là những nghiệp vụ nhận sự kế thừa thông tin từ nghiệp vụ này. Vì vậy, những thông tin được khai báo sai lệch tại nghiệp vụ Đơn hàng bán sẽ làm phát sinh lỗi nghiệp vụ hoặc sai lệch giá trị phân tích dữ liệu cho các nghiệp vụ cùng chuỗi về sau.

- Dữ liệu về Số lượng giao dịch ở trạng thái "Mở/Open" của Sản phẩm theo dòng khai báo tại nghiệp vụ Đơn hàng bán là ảnh hưởng trực tiếp đến các thông tin liên quan về:

i. Số lượng dự kiến sẽ sử dụng (trường "Committed" thuộc Bảng chi tiết [Inventory Data] của nghiệp vụ [Item Master Data]) trong việc lập kế hoạch bán hàng, kế hoạch dự kiến tiêu thụ, kế hoạch phân phối hàng hóa theo Khách hàng;

ii. Lịch trình cân đối cung - cầu hàng hóa tại Báo cáo [Inventory Status - Available-To Promise];

iii. Số lượng hàng hóa tiêu thụ khi vận hành Chức năng Hoạch Định Nguồn Cung Hàng Hóa (còn được gọi là "Chức năng [MRP]");

iv. Là cơ sở để hoạt động bán hàng có thể phối hợp thông tin với hoạt động mua hàng hoặc/và hoạt động sản xuất tại các nghiệp vụ Đề nghị mua hàng, nghiệp vụ Đơn hàng mua, nghiệp vụ Lệnh sản xuất.

v. Là cơ sở để lập kế hoạch thu tiền và lập cân đối dòng tiền thu - chi cho tổ chức/doanh nghiệp.

vi. Thông tin về Chuyên viên Kinh doanh phụ trách nghiệp vụ tại nghiệp vụ Đơn hàng bán chính là thông tin cốt lõi để xác định nhân sự được áp dụng chế độ tính thưởng hiệu quả bán hàng theo quy định của tổ chức/doanh nghiệp.

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---

vii. Trong trường hợp đối tượng sản phẩm giao dịch là hàng hóa được quản lý theo chế độ "Serial No." thì nghiệp vụ Đơn hàng bán sẽ cho phép người dùng đặt trước số "Serial No." của sản phẩm được chào bán. Tính năng này chính là hộp thoại "Serial Number Selection" được mở bằng tổ hợp phím Ctrl+Tab tại vị trí trỏ chuột đặt vào ô Số lượng giao dịch của Sản phẩm theo dòng khai báo đối với nghiệp vụ đang thao tác.

- Tài liệu này được xây dựng dựa trên các định nghĩa chung và thống nhất theo những quy tắc nhất quán do phần mềm SAP B1 quy định, nhằm mục đích thích nghi hóa với môi trường sử dụng tại [HBG]. Vì vậy, người dùng cần lưu ý không nên hiểu rằng đây là tài liệu chuẩn mực duy nhất khi ứng dụng phần mềm SAP B1 tại môi trường làm việc khác, nếu có.

- Các trường thông tin được người dùng khai báo, nếu trái hoặc xung đột với những quy định được nêu tại Điểm 4 tài liệu này, có thể sẽ dẫn đến những sai lệch về kết quả báo cáo hoặc tác động tiêu cực đến cơ sở dữ liệu chung của trạm.

6. Tổ chức người dùng và nhân sự

- Nghiệp vụ Đơn hàng bán phù hợp khai thác đối với tài khoản người dùng SAP B1, như sau:
  -- Loại [PRO/P]: Toàn quyền truy cập: Thao tác và Tra cứu thông tin;
  -- Loại [CRM/C]: Toàn quyền truy cập: Thao tác và Tra cứu thông tin;
  -- Loại [LOG/L]:Toàn quyền truy cập: Thao tác và Tra cứu thông tin;
  -- Loại [FIN/F]: Hạn chế quyền truy cập: Tra cứu thông tin;
- Nghiệp vụ Đơn hàng bán phù hợp với nhân sự thuộc vị trí:
  -- Chuyên viên kinh doanh;
  -- Chuyên viên hỗ trợ kinh doanh/Thư ký kinh doanh;
  -- Trưởng bộ phận/đơn vị kinh doanh

HOA BINH CORPORATION
Động lực cho sự phát triển

--- Tài liệu này thuộc bản quyền sở hữu của CÔNG TY CỔ PHẦN HÒA BÌNH ---
--- Nghiêm cấm sao chép và sử dụng ngoài phạm vi công việc của Công ty và các Đơn Vị Thành Viên dưới mọi hình thức ---